TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I

MÔN TOÁN – KHỐI 3

PHIẾU SỐ 5

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số «bảy trăm tám mươi tư» viết là:

A. 748 **B.** 784 **C.** 487 **D.** 7084

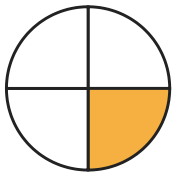
Câu 2. Kết quả của phép nhân 8 × 8 là:

A. 72 **B.** 16 **C.** 64 **D.** 56

Câu 3. Số lớn là 64, số bé là 8. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 72 lần **B.** 56 lần **C.** 9 lần **D.** 8 lần

Câu 4. Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/5 **B.** 1/9 **C.** 1/8 **D.** 1/4

Câu 5. Nước đá bắt đầu tan ở nhiệt độ:

A. 0 °C **B.** 100 °C **C.** 10 °C **D.** 37 °C

Câu 6. Trong hình tròn tâm O, đoạn thẳng nối tâm O với một điểm trên đường tròn gọi là:

A. cạnh **B.** đường kính **C.** trung điểm **D.** bán kính

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) ……. × 3 = 27

b) ……. : 4 = 33

c) ……. + 430 = 614

d) 45 : ……. = 5

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8, 16, ……, 32, 40, ……

b) 758, 760, ……, 764, 766, ……

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Gấp 24 lên 6 lần: ……

b) Giảm 54 đi 6 lần: ……

c) 19 thêm 3 đơn vị: ……

d) Gấp 19 lên 3 lần: ……

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

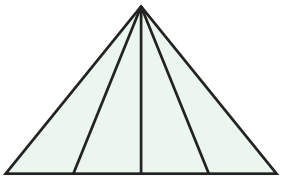
a) 9 l = …… ml

b) 60 mm = …… cm

c) 2 dm 3 cm = …… cm

d) 3 m 3 dm = …… dm

Bài 5. Đếm hình:



a) Hình bên có …… hình tam giác.

Bài 6. Lớp 3A có 61 học sinh, mỗi bàn ngồi 6 bạn. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu cái bàn để tất cả học sinh đều có chỗ ngồi?

a) Trả lời: Cần ít nhất …… cái bàn

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 5

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	D	D	A	D

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 27 : 3 = 9

b) 33 × 4 = 132

c) 614 − 430 = 184

d) 45 : 5 = 9

Bài 2.

a) Đếm thêm 8: 8, 16, 24, 32, 40, 48

b) Mỗi số hơn số trước 2 đơn vị: 758, 760, 762, 764, 766, 768

Bài 3.

a) 24 × 6 = 144

b) 54 : 6 = 9

c) 19 + 3 = 22

d) 19 × 3 = 57

Thêm một số đơn vị thì cộng, gấp lên nhiều lần thì nhân, giảm đi nhiều lần thì chia.

Bài 4.

a) 9 l = 9000 ml (vì 1 l = 1000 ml)

b) 60 mm = 6 cm (vì 10 mm = 1 cm)

c) 2 dm 3 cm = 23 cm (vì 1 dm = 10 cm)

d) 3 m 3 dm = 33 dm (vì 1 m = 10 dm)

Bài 5.

Đếm theo số hình ghép: 4 hình đơn, 3 hình ghép đôi, 2 hình ghép ba, 1 hình lớn: 10 hình tam giác.

Bài 6.

61 : 6 = 10 (dư 1). Còn 1 bạn chưa có chỗ nên cần thêm 1 bàn: 10 + 1 = 11 (bàn).